

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2019/HS-ST

Ngày 19 - 6 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Thọ

Ông Lê Đức Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Nam - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019;

Đối với bị cáo: **Lương Văn D**, sinh ngày 06 tháng 7 năm 1995 tại: xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn Đ và bà Lê Thị N; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 26/3/2019, chuyển tạm giam ngày 01/4/2019; có mặt.

- Bị hại: Chị Trần Thị N, sinh năm 19xx, nơi cư trú: thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Lương Thị H, sinh năm 1974, cư trú tại: khu 6, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Anh Hà Văn T, sinh năm 1986, nơi cư trú: thôn , xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 02 năm 2019, Lương Văn D qua mạng xã hội có quen chị Trần Thị N, sinh năm 19xx, trú tại thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 24/3/2019 D đi máy bay từ thành phố Hồ Chí Minh về Thanh Hóa để gặp chị N. Đến sáng ngày 25/3/2019 D và chị N đi chơi tại Bến En, huyện Như Thanh; D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SH125i biển kiểm soát 36L1-xxxxx của chị N, còn chị N ngồi phía sau. Trong khi đi chơi D nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của chị N để lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày D và chị N thuê phòng của nhà nghỉ Trang Anh ở khu 6, thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân để nghỉ. Tại nhà nghỉ Trang Anh lợi dụng lúc chị N ngủ say D đã lục ví của chị N lấy số tiền 15.000.000đ và 01 đăng ký xe mô tô, rồi lục túi áo khoác của chị N lấy chìa khóa xe mô tô, sau đó D chạy xuống nhà để xe của nhà nghỉ Trang Anh lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH125i của chị N rồi điều khiển xe mô tô bỏ trốn. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, chị N ngủ dậy thì không thấy D đâu, kiểm tra thì thấy mất tiền và mất xe mô tô, nên đã đến Công an Thọ Xuân trình báo.

Sau khi nhận được tin báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác minh, truy tìm đối tượng; đến ngày 26/3/2019 thì xác định được Lương Văn D đang sử dụng chiếc xe mô tô trộm cắp của chị Trần Thị N làm phương tiện đi lại tại xã H, huyện H. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân đã bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với D và thu giữ tang vật gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH125i, biển kiểm soát 36L1-xxxxx, 01 đăng ký xe mô tô mang tên B, 01 căn cước công dân mang tên Lương Văn D, 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG G6 màu xám đã qua sử dụng và số tiền 1.800.000đ, 01 áo phông cộc tay màu trắng đã qua sử dụng, 01 áo phông cộc tay màu đỏ đã qua sử dụng, 01 áo sơ mi màu xám đã qua sử dụng.

Tại kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 29/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thọ Xuân, kết luận: giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH125i, biển kiểm soát 36L1-xxxxx là 80.991.000đ (tám mươi triệu chín trăm chín mươi một nghìn đồng).

Về phần dân sự: Gia đình Lương Văn D đã tự nguyện bồi thường cho chị Trần Thị N số tiền 15.000.000đ, chị N không có yêu cầu gì thêm.

Tang vật thu giữ:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH125i, biển kiểm soát 36L1-xxxxx và 01 đăng ký xe mô tô mang tên B, sau khi định giá Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Trần Thị N;

- Số tiền 1.800.000đ và các đồ vật khác đã thu giữ gồm: 01 áo khoác màu đen, 01 dây thể thao màu ghi xám, 01 căn cước công dân mang tên Lương Văn Dương, 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG G6, 01 áo phông cộc tay màu trắng, 01 áo phông cộc tay màu đỏ, 01 áo sơ mi màu xám (tất cả các đồ vật trên đều đã qua

sử dụng); hiện đang được quản lý theo quy định.

- Đối với 01 USB màu đen nhãn hiệu Kingston lưu giữ hình ảnh Lương Văn D được trích xuất từ Camera của nhà nghỉ Trang Anh hiện đang được lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKSTX ngày 06/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố bị cáo Lương Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lương Văn D thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH125i, biển kiểm soát 36L1-xxxxx và số tiền 15.000.000đ của chị Trần Thị N ở thôn T, xã C, đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu; bị hại là chị Trần Thị N có ý kiến đồng ý với nội dung Cáo trạng nêu và đề nghị xem xét giải quyết vụ án theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lương Văn D từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét. Về vật chứng: Đề nghị trả lại cho bị cáo D số tiền 1.800.000đ và các đồ vật khác đã thu giữ gồm: 01 áo khoác màu đen, 01 dây thể thao màu ghi xám, 01 căn cước công dân mang tên Lương Văn Dương, 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG G6, 01 áo phông cộc tay màu trắng, 01 áo phông cộc tay màu đỏ, 01 áo sơ mi màu xám; Tịch thu 01 USB màu đen nhãn hiệu Kingston lưu giữ hình ảnh Lương Văn D được trích xuất từ Camera của nhà nghỉ Trang Anh, để lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Về án phí: buộc bị cáo Lương Văn D phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng bị cáo nhận tội và xin được hưởng khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ mức hình phạt. Bị hại không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời trình bày của bị hại, lời khai của người làm chứng, kết luận định giá, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng trưa ngày 25/3/2019 tại nhà nghỉ Trang Anh ở khu 6, thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Lương Văn D đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở của chị Trần Thị N là người cùng thuê chung phòng ngủ với mình, lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH125i, biển kiểm soát 36L1-143.71 trị giá 80.991.000đ và số tiền 15.000.000đ của chị Trần Thị N. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 95.991.000đ (chín mươi lăm triệu chín trăm chín mươi một nghìn đồng). Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, hành vi của bị cáo Lương Văn D đã phạm vào tội "trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Trong vụ án này giữa bị cáo và bị hại thông qua mạng xã hội đã có mối quan hệ về tình cảm với nhau, chủ động cùng hẹn gặp nhau để tâm sự, bị cáo thấy bị hại có tài sản giá trị và vì muốn có phương tiện để sử dụng đi lại và có tiền tiêu sài cho cá nhân, bị cáo đã lợi dụng mối quan hệ tình cảm giữa hai người, khi thấy có sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại đã chiếm đoạt tài sản của bị hại. Tính chất vụ án là nghiêm trọng; vụ án xảy ra đã gây nên tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân dân, đồng thời gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian gần đây tội phạm trộm cắp tài sản đang diễn biến phức tạp, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân; loại tội phạm này ngày càng hoạt động chuyên nghiệp, tinh vi, trong khi ý thức bảo vệ tài sản của người dân thì vẫn còn sơ hở. Do vậy, việc đưa vụ án ra xét xử đối với bị cáo và lên một mức án nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, tuyên truyền ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo D đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trong quá trình điều tra bị cáo đã tích cực tác động đề nghị gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền là 15.000.000đ, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo D tuổi đời còn trẻ, lẽ ra bị cáo phải chịu khó học tập, rèn luyện bản thân để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, nhưng bị cáo lại không chịu khó học tập, rèn luyện, mà ham chơi, thích hưởng thụ, sống buông thả dẫn đến phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý vụ án thật nghiêm, tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội đồng thời cũng là bài học đối với những ai đang có ý định thực hiện tội phạm.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo D bằng hình phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong khi bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội; xử phạt bị cáo mức án như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo D và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho chị Trần Thị N số tiền 15.000.000đ, chị N không có yêu cầu gì, nên không xem xét.

[9] Về vật chứng vụ án:

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH125i, biển kiểm soát 36L1-xxxxx và 01 đăng ký xe mô tô mang tên B là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của vợ chồng chị Trần Thị N và anh B, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Trần Thị N là phù hợp.

Đối với 01 USB màu đen nhãn hiệu Kingston lưu giữ hình ảnh Lương Văn D được trích xuất từ Camera của nhà nghỉ Trang Anh do chị Lương Thị H cung cấp là tài liệu làm căn cứ xử lý trách nhiệm đối với bị cáo, hiện được lưu kèm theo hồ sơ vụ án, nên cần tịch thu để lưu giữ trong hồ sơ.

Đối với số tiền 1.800.000đ thu giữ của bị cáo là tiền còn lại trong tổng số tiền 15.000.000đ bị cáo chiếm đoạt của chị N, tuy nhiên bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho chị Nga đủ số tiền 15.000.000đ, chị Nga không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên cần trả lại cho bị cáo số tiền 1.800.000đ; đối với các đồ vật đã thu giữ gồm: 01 áo khoác màu đen, 01 dây thẻ thao màu ghi xám, 01 căn cước công dân mang tên Lương Văn D, 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG G6, 01 áo phông cộc tay màu trắng, 01 áo phông cộc tay màu đỏ, 01 áo sơ mi màu xám (đều đã qua sử dụng) là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho Lương Văn D. Toàn bộ số tang vật trên hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo Lương Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1

Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 107; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: bị cáo Lương Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lương Văn D 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/3/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu 01 USB màu đen, nhãn hiệu Kingston lưu giữ hình ảnh Lương Văn D được trích xuất từ Camera của nhà nghỉ Trang Anh để lưu giữ trong hồ sơ vụ án (hiện đang được lưu kèm theo hồ sơ).

Trả lại cho Lương Văn D số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) và các đồ vật khác đã thu giữ gồm: 01 áo khoác màu đen, 01 dây thể thao màu ghi xám, 01 căn cước công dân mang tên Lương Văn D, 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG G6, 01 áo phông cộc tay màu trắng, 01 áo phông cộc tay màu đỏ, 01 áo sơ mi màu xám (đều đã qua sử dụng). Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/5/2019 và phiếu thu số PT 444 ngày 07/5/2019.

4. Về án phí: bị cáo Lương Văn D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo Lương Văn D, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tiến

